



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Tháng 09 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8-35

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Vũ Hải Vĩnh	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thuý Hương	Ủy viên
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tùng	Ủy viên

Ban Điều hành

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2016

Số: 280 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 16/09/2016, từ trang 04 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính của các công ty con là Công ty Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa, Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức, Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa, Công ty Cổ phần Công trình Viettronics, Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp chưa được soát xét. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa được soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được hợp nhất trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa do Tổng Công ty không nhận được báo cáo của Công ty con của công ty trên. Các khoản đầu tư và Công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo giá gốc do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính của các Công ty này.

Do báo cáo tài chính của các công ty con chưa có đủ thông tin, nên trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này chưa trình bày một số thuyết minh "Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp", "Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố", "Nghị vụ và số dư với bên liên quan" và chưa loại trừ các khoản công nợ và giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các công ty con.

Tổng Công ty chưa ghi nhận các nghiệp vụ liên quan đến giao dịch bán khoản đầu tư và các khoản nợ liên quan đến Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific. Nếu ghi nhận các nghiệp vụ này thì lợi nhuận kế toán trước thuế tăng khoảng 11,6 tỷ đồng, tổng tài sản giảm khoảng 56,3 tỷ đồng, công nợ phải trả giảm khoảng 68 tỷ đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Kết luận ngoại trừ

Ngoại trừ các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		990.383.698.473	777.418.253.751
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	193.454.648.982	154.542.902.180
1. Tiền	111		27.021.813.559	66.030.496.757
2. Các khoản tương đương tiền	112		166.432.835.423	88.512.405.423
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	81.977.796.250	50.605.396.250
1. Chứng khoán kinh doanh	121		287.396.250	287.396.250
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		81.690.400.000	50.318.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		509.144.145.411	336.445.047.860
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	386.130.544.112	281.508.713.601
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	29.430.366.238	46.538.739.674
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	57.922.455.177	1.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	64.916.228.742	34.692.444.968
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(29.255.448.858)	(27.426.376.234)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	131.525.851
IV. Hàng tồn kho	140	12	192.597.005.392	223.018.491.104
1. Hàng tồn kho	141		195.483.662.025	225.922.546.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.886.656.633)	(2.904.055.458)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.210.102.438	12.806.416.357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	4.087.867.629	1.316.432.983
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.182.476.593	7.565.522.975
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.939.758.216	3.924.460.399
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.441.975.062	417.186.976.112
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.063.714.388	58.637.961.282
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	8.330.535.680	49.216.230.356
2. Phải thu nội bộ dài hạn	214		3.658.140.004	3.658.140.004
3. Phải thu dài hạn khác	216	10	75.038.704	5.763.590.922
II. Tài sản cố định	220		130.225.862.760	144.039.766.821
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	89.811.314.666	95.991.424.190
- Nguyên giá	222		204.893.232.323	212.590.083.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.081.917.657)	(116.598.659.366)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	40.414.548.094	48.048.342.631
- Nguyên giá	228		46.341.365.331	53.592.147.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.926.817.237)	(5.543.804.700)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	10.091.328.192	10.597.132.506
- Nguyên giá	231		35.891.080.307	35.891.080.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.799.752.115)	(25.293.947.801)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.630.587.499	27.767.329.817
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	25.630.587.499	27.767.329.817
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		93.155.715.294	124.097.277.471
1. Đầu tư vào công ty con	251	18	71.355.971.622	37.668.453.958
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	49.150.608.312	57.768.974.753
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	38.304.644.337	45.891.144.337
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(65.655.508.977)	(17.231.295.577)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		45.274.766.929	52.047.508.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.125.028.931	17.142.571.139
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		7.818.717.242	12.487.507.410
3. Lợi thế thương mại	269	19	20.331.020.756	22.417.429.666
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.306.825.673.535	1.194.605.229.863

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		585.274.979.590	417.193.903.067
I. Nợ ngắn hạn	310		575.871.493.492	351.083.447.586
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	307.160.927.539	171.896.481.860
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	43.432.628.409	24.893.699.985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	6.907.848.685	10.200.590.057
4. Phải trả người lao động	314		9.556.694.147	10.199.770.068
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	8.124.886.171	8.535.045.483
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.360.155.750	1.617.057.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	135.673.390.853	49.888.806.270
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	54.016.484.098	65.043.029.485
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.942.207.854	3.056.475.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.696.269.986	5.752.492.378
II. Nợ dài hạn	330		9.403.486.098	66.110.455.481
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	21	-	22.104.196.302
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		147.325.000	324.130.000
3. Phải trả dài hạn khác	337	24	8.498.215.142	43.512.629.179
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		242.945.956	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		515.000.000	-
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	169.500.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		721.550.693.945	777.411.326.796
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	706.387.806.945	761.261.185.390
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(14.018.903.801)	(14.522.301.419)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		60.084.605.400	55.696.992.764
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.711.376.335	102.290.358.021
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		82.333.069.282	65.753.579.153
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15.621.692.947)	36.536.778.868
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	27	155.584.109.306	179.769.516.319
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		15.162.887.000	16.150.141.406
1. Nguồn kinh phí	431		15.162.887.000	16.150.141.406
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.306.825.673.535	1.194.605.229.863



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2016

Nguyễn Trung Dũng
Kê toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		457.797.716.374	284.771.106.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.756.244.899	2.818.499.941
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	456.041.471.475	281.952.606.650
4. Giá vốn hàng bán	11	29	409.491.750.611	234.687.828.451
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		46.549.720.864	47.264.778.199
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	8.200.329.905	14.176.251.090
7. Chi phí tài chính	22	31	2.655.265.731	1.868.275.706
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.640.247.693	776.206.891
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		28.937.947.325	27.385.464.224
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		40.954.408.120	38.412.947.246
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(17.797.570.407)	(6.225.657.887)
12. Thu nhập khác	31		629.121.734	1.722.425.618
13. Chi phí khác	32		866.720.514	526.565.567
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(237.598.780)	1.195.860.051
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(18.035.169.187)	(5.029.797.836)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	770.012.634	726.761.901
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		274.085.956	349.878.986
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(19.079.267.777)	(6.106.438.723)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(15.621.692.947)	(4.147.071.347)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.457.574.830)	(1.959.367.376)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(415)	(95)



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2016


Nguyễn Trung Dũng
Kê toán trưởng


Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	411.849.353.539	400.555.878.536
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(267.519.102.265)	(268.445.712.094)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.134.587.173)	(32.062.243.562)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.552.324.366)	(1.970.866.530)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.859.779.823)	(4.612.674.767)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	34.700.392.950	24.714.419.187
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(96.374.949.388)	(77.949.204.514)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.109.003.474	40.229.596.256
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(273.928.000)	(1.412.920.209)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	(5.459.240)	(191.798)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.764.400.000)	(219.420.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	39.867.000.000	176.670.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	71.360.363.370	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.240.464.268	9.213.579.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	46.424.040.398	(34.949.532.307)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	47.334.378.480	67.181.445.911
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(88.383.204.460)	(119.382.315.246)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.746.206.662)	(5.162.787.345)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(47.795.032.642)	(57.363.656.680)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	40.738.011.230	(52.083.592.731)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	154.542.902.180	277.553.507.031
Điều chỉnh do hợp nhất (i)		(1.807.832.390)	(711.023.731)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(18.432.038)	1.636.842
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	193.454.648.982	224.760.527.411

Ghi chú:

(i) Điều chỉnh là do Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất này được lập trên cơ sở báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa và Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức, trong khi số liệu đầu kỳ tương ứng được lấy trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2015 của các công ty này.



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2016

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch VIETNAM ELECTRONICS AND INFOMATICS JOINT STOCK CORPORATION, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 04 ngày 25/11/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động theo đăng ký kinh doanh tại: Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2016 là 117 người (tại ngày 01/01/2016 là 157 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Tổng Công ty

Danh sách các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

1. Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics.

Danh sách các công ty con:

1. Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa;
2. Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức;
3. Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà;
4. Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình;
5. Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà;
6. Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp;
7. Công ty Cổ phần Công trình Viettronics;
8. Công ty TNHH MTV Viettronics Medda (i)

Ghi chú:

- (i) Công ty con của Cổ phần Viettronics Đồng Đa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Danh sách các công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Viettronimex;
2. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà;
3. Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam;
4. Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam.

Danh sách các công ty liên doanh:

1. Công ty Liên doanh Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec.

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các công ty liên doanh, liên kết do Tổng Công ty đầu tư vốn;
- Các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Danh sách công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
1	Công ty CP Viettronics Đống Đa	Hà Nội	1.123.600	51,07%	51,07%
2	Công ty CP Điện tử Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	6.693.700	97,01%	97,01%
3	Công ty CP Điện tử Bình Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	1.479.000	51,00%	51,00%
4	Công ty CP Viettronics Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	6.654.960	55,54%	55,54%
5	Công ty CP Điện tử Biên Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	306.000	51,00%	51,00%
6	Công ty CP Viettronics Công nghiệp	Hà Nội	2.755.700	91,86%	91,86%
7	Công ty CP Công trình Viettronics	Hà Nội	1.300.000	65,00%	65,00%

Ngoài ra còn Công ty con là Công ty TNHH Medda chưa được hợp nhất do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính của công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Danh sách công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo giá gốc do Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết này.

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Đầu tư vào công ty liên kết					
1	Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	Hà Nội	2.142.000	35,70%	35,70%
2	Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	108.689	46,25%	46,25%
3	Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	20.665	33,77%	33,77%
4	Công ty CP Máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	8.555	28,50%	28,50%
5	Công ty CP Belco Hà Nội	Hà Nội			
6	Công ty CP Thương mại DV Bình Minh	Thành phố Hồ Chí Minh		15,30%	30,00%
7	Công ty CP Cơ điện tử Viettronics	Hà Nội		15,32%	30,00%
8	Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội		49,00%	49,00%

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn khấu hao theo thời gian sử dụng đất. Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 05 đến 50 năm.

Tại ngày 30/06/2016 chưa có cơ sở để Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên không trình bày giá trị hợp lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng; chi phí trả trước tiền thuê văn phòng; chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Tổng Công ty bao gồm số vốn do Nhà nước bàn giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng và phần vốn góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	958.446.043	2.161.910.138
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.063.367.516	63.868.586.619
Các khoản tương đương tiền (i)	166.432.835.423	88.512.405.423
Cộng	<u>193.454.648.982</u>	<u>154.542.902.180</u>

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	287.396.250	287.396.250	-	287.396.250
- Các khoản đầu tư khác				
	30/06/2016	01/01/2016		
	Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị ghi số
	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	81.690.400.000	81.690.400.000	50.318.000.000	50.318.000.000
<i>Ngắn hạn</i>	81.690.400.000	81.690.400.000	49.018.000.000	49.018.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
- Các khoản cho vay	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000

Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	386.130.544.112	281.508.713.601
Phải thu tại:		
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	9.307.035.430	9.008.794.365
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	25.506.585.451	21.576.505.896
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	6.662.855.531	6.406.769.234
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	-	9.928.324.834
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	179.148.503.283	117.396.351.673
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	11.275.529.232	11.507.138.585
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics (i)	23.148.575.733	34.321.103.341
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	20.829.184.398	2.723.412.546
Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN	110.252.275.054	68.640.313.127

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.430.366.238	46.538.739.674
Trả trước tại:		
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	988.712.033	988.712.033
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	650.025.999	9.007.242.342
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	-	8.178.927.400
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	-	328.674.863
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	8.351.806.249	2.932.841.527
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	48.065.823	2.289.559.736
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	996.796.833	5.723.190.637
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	5.234.107.784	3.843.638.784
Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN	13.160.851.517	13.245.952.352
- Gồm các đối tượng		
Công ty TNHH DV - TM Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty TNHH công nghệ và thương mại Sao Bắc Việt	2.432.281.500	-
Các đối tượng khác	5.874.219.017	8.391.601.352
b) Trả trước cho người bán dài hạn	8.330.535.680	49.216.230.356
Trả trước tại:		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	-	40.885.694.676
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	8.330.535.680	8.330.535.680

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	21.279.631.582	-
Công ty CP Công trình Viettronics	6.506.823.595	-
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	29.236.000.000	-
Các đối tượng khác	900.000.000	1.000.000.000
Cộng	57.922.455.177	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	64.916.228.742	(3.864.892.573)	34.692.444.968	(2.339.343.961)
Phải thu khác tại Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	194.607.320	-
- Tạm ứng	2852207220	-	2.697.810.829	-
- Phải thu khác:				
+ Công ty CP Viettronics Công nghiệp	9.747.814.034	-	-	-
+ Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	7.989.288.373	(1.525.548.612)	-	-
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	6.654.960.000	-	-	-
+ Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Các đối tượng khác	2.126.651.141	(231.346.388)	418.504.862	(231.346.388)
Phải thu khác tại (i):				
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	3.317.727.379	-	7.177.398.398	-
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	1.202.045.258	-	1.860.450.712	-
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	7.349.561.541	-	1.793.299.557	-
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	2.357.869.811	-	2.195.810.506	-
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	569.293.780	-	1.635.234.860	-
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	8.403.357.542	-	6.767.189.103	-
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	7.543.225.090	-	4.808.936.798	-
Các khoản phải thu khác	-	-	340.974.450	-
b) Dài hạn	75.038.704	-	5.763.590.922	-
Ký cược, ký quỹ	15.500.000	-	25.500.000	-
Tạm ứng	-	-	684.603.000	-
Phải thu khác	59.538.704	-	5.053.487.922	-
- Cục Cảnh sát biển	-	-	3.631.748.654	-
- Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình Dương	-	-	1.261.771.268	-
- Công ty CP TM-DV Bình Minh	-	-	50.000.000	-
- Các đối tượng khác	59.538.704	-	109.968.000	-

Ghi chú

(i): Phải thu khác tại các Công ty con của Tổng Công ty chưa thuyết minh số dự phòng tại ngày 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	3.031.346.388	-	3.031.346.388	-
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	6.962.348.573	-	6.962.348.573	-
Công ty CP CN Thông tin Genpacific - phải thu lãi vay	1.525.548.612	-	1.525.548.612	-
Cộng	11.519.243.573	-	11.519.243.573	-

Ghi chú:

Các Công ty con của Tổng Công ty chưa trình bày đầy đủ thông tin về các khoản nợ xấu nên số liệu trình bày trên chỉ là giá trị các khoản công nợ xấu của Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học Việt Nam.

12. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	9.751.140.000	-	372.479.478	-
Nguyên liệu, vật liệu	41.978.444.713	-	65.533.291.130	-
Công cụ, dụng cụ	250.364.621	-	217.703.471	-
Chi phí SXKD dở dang	30.507.026.127	-	31.348.983.315	-
Thành phẩm	83.744.512.585	-	55.723.641.021	(368.132.769)
Hàng hóa	28.027.253.802	(2.886.656.633)	70.632.922.729	(2.535.922.689)
Hàng gửi bán	1.224.920.177	-	2.093.525.418	-
Cộng	195.483.662.025	(2.886.656.633)	225.922.546.562	(2.904.055.458)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.087.867.629	1.316.432.983
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.837.109	742.617.621
Các khoản khác	4.051.030.520	573.815.362
b) Dài hạn	17.125.028.931	17.142.571.139
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	50.631.474	9.660.150.942
Phí duy trì tên miền	300.123.810	346.830.000
Hệ thống báo cháy	33.497.916	203.515.000
Tiền thuê Văn phòng	4.052.484.853	4.101.212.124
Chi phí dự án CCTV	1.043.675.102	-
Các khoản khác	11.644.615.776	2.830.863.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	137.572.888.991	48.618.201.481	23.096.299.538	3.302.693.546	212.590.083.556
Mua trong năm	1.899.117.818	1.237.012.999	-	-	3.136.130.817
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Giảm do bán công ty con	(8.669.435.222)	(835.094.925)	-	-	(9.504.530.147)
Thanh lý, nhượng bán	-	(88.425.000)	-	-	(88.425.000)
Giảm khác	-	(1.240.026.903)	-	-	(1.240.026.903)
Tại ngày 30/06/2016	130.802.571.587	47.691.667.652	23.096.299.538	3.302.693.546	204.893.232.323
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	65.666.023.354	32.400.534.418	15.594.987.522	2.937.114.072	116.598.659.366
Khấu hao trong năm	2.336.766.443	1.330.987.644	702.376.104	83.226.677	4.453.356.868
Giảm do bán công ty con	(3.806.551.749)	(835.094.925)	-	-	(4.641.646.674)
Thanh lý, nhượng bán	-	(88.425.000)	-	-	(88.425.000)
Giảm khác	-	(1.240.026.903)	-	-	(1.240.026.903)
Tại ngày 30/06/2016	64.196.238.048	31.567.975.234	16.297.363.626	3.020.340.749	115.081.917.657
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	71.906.865.637	16.217.667.063	7.501.312.016	365.579.474	95.991.424.190
Tại ngày 30/06/2016	66.606.333.539	16.123.692.418	6.798.935.912	282.352.797	89.811.314.666

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 6.471.264.126 VND (tại ngày 01/01/2016 là 58.557.704.380 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2016	51.215.752.144	2.180.402.665	195.992.522	53.592.147.331
Giảm do bán công ty con	(7.250.782.000)	-	-	(7.250.782.000)
Tại ngày 30/06/2016	43.964.970.144	2.180.402.665	195.992.522	46.341.365.331
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2016	3.876.093.245	1.628.512.951	39.198.504	5.543.804.700
Khấu hao trong năm	304.500.276	78.512.261	-	383.012.537
Tại ngày 30/06/2016	4.180.593.521	1.707.025.212	39.198.504	5.926.817.237
Giá trị còn lại				-
Tại ngày 01/01/2016	47.339.658.899	551.889.714	156.794.018	48.048.342.631
Tại ngày 30/06/2016	39.784.376.623	473.377.453	156.794.018	40.414.548.094

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 764.841.217 VND (tại ngày 01/01/2016 là 424.750.820 VND).

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nguyên giá tại:	35.891.080.307	35.891.080.307
Công ty Cổ phần điện tử Thủ Đức	10.647.590.725	10.647.590.725
Công ty Cổ phần điện tử Bình Hòa	6.211.957.943	6.211.957.943
Công ty Cổ phần điện tử Biên Hòa	19.031.531.639	19.031.531.639
Giá trị hao mòn lũy kế tại:	(25.799.752.115)	(25.293.947.801)
Công ty Cổ phần điện tử Thủ Đức	(8.665.612.686)	(8.296.251.216)
Công ty Cổ phần điện tử Bình Hòa	(6.199.123.483)	(6.180.085.795)
Công ty Cổ phần điện tử Biên Hòa	(10.935.015.946)	(10.817.610.790)
Giá trị còn lại tại:	10.091.328.192	10.597.132.506
Công ty Cổ phần điện tử Thủ Đức	1.981.978.039	2.351.339.509
Công ty Cổ phần điện tử Bình Hòa	12.834.460	31.872.148
Công ty Cổ phần điện tử Biên Hòa	8.096.515.693	8.213.920.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	483.945.455	2.292.663.273
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	143.528.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	3.624.910.045	4.096.462.545
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	16.303.046.239	16.303.046.239
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN	5.075.157.760	5.075.157.760
<i>Bao gồm:</i>		
<i>Trụ sở TCT tại Cầu Giấy, HN</i>	4.453.348.182	4.453.348.182
<i>Công trình khác</i>	621.809.578	621.809.578
Cộng	<u>25.630.587.499</u>	<u>27.767.329.817</u>

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Đầu tư vào công ty con	<u>71.355.971.622</u>	<u>37.668.453.958</u>
Đầu tư vào công ty con tại Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	46.914.793.076	19.380.000.000
Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình Dương	-	13.500.000.000
Công ty CP Hệ thống Gen	-	3.065.762.400
Công ty TNHH Giải Pháp Genpacific	-	231.513.012
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	22.950.000.000	-
Công ty TNHH MTV Viettronics Medda	1.491.178.546	1.491.178.546
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	<u>49.150.608.312</u>	<u>57.768.974.753</u>
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	21.684.417.517	31.770.088.151
Công ty CP Viettronimex	13.987.729.333	17.154.761.218
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	3.909.865.045
Công ty CP Máy tính Việt Nam	895.348.195	977.085.276
Đầu tư vào công ty liên kết tại Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	7.040.000.000	692.579.926
Đầu tư vào công ty liên kết tại Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	1.178.000.000	1.178.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết tại Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	510.000.000	510.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết tại Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	300.000.000	300.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh		
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (ii)	1.276.595.137	1.276.595.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	38.304.644.337	45.891.144.337
Đầu tư khác tại Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	29.621.270.000	29.621.270.000
Công ty Bê tông ly tâm Thủ Đức	5.240.000.000	10.480.000.000
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	3.149.354.337	3.149.354.337
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	-	1.800.000.000
Cao ốc căn hộ - TMDV - Văn phòng cho thuê	-	446.500.000
Đầu tư vào công ty liên kết tại Công ty Cổ phần Viettronics E	294.020.000	294.020.000
Đầu tư dài hạn khác	-	100.000.000
Cộng	158.811.224.271	141.328.573.048

Ghi chú:

Các Công ty con của Tổng Công ty chưa trình bày đầy đủ thông tin về các khoản đầu tư dài hạn nên số liệu trình bày trên chỉ là giá gốc các khoản đầu tư dài hạn của Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học Việt Nam và tổng giá trị các khoản đầu tư tại từng Công ty con.

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Từ 01/01/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u>
	<u>đến 30/06/2016</u>	<u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	22.417.429.666	6.479.546.741
Tăng	-	20.110.700.745
Phân bổ vào chi phí trong năm	(2.086.408.910)	(4.172.817.820)
Tại ngày 30 tháng 06	20.331.020.756	22.417.429.666

Chi tiết lợi thế thương mại tại các công ty con:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	116.070.945	122.898.648
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	7.246.871.715	7.673.158.286
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	347.415.169	367.851.355
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình	8.817.829.913	10.226.992.303
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	3.802.833.014	4.026.529.074
Cộng	20.331.020.756	22.417.429.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	307.160.927.539	307.160.927.539	171.896.481.860	171.896.481.860
Phải trả tại:				
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	2.211.754.665	2.211.754.665	2.027.252.765	2.027.252.765
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	3.933.383.435	3.933.383.435	5.931.966.605	5.931.966.605
Công ty CP Điện tử Bình Hòa	2.466.824.847	2.466.824.847	2.044.401.368	2.044.401.368
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	-	-	7.479.930.533	7.479.930.533
Công ty CP Viettronics Tân Bình	179.346.032.939	179.346.032.939	98.157.842.576	98.157.842.576
Công ty CP Điện tử Biên Hòa	49.604.150	49.604.150	90.021.109	90.021.109
Công ty CP Công trình Viettronics	23.562.586.991	23.562.586.991	17.866.888.797	17.866.888.797
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	11.543.359.725	11.543.359.725	9.778.135.346	9.778.135.346
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học VN	84.047.380.787	84.047.380.787	28.520.042.761	28.520.042.761
	307.160.927.539	307.160.927.539	171.896.481.860	171.896.481.860

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	43.432.628.409	24.893.699.985
Trả trước tại:		
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	96.983.609	96.983.609
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	773.741.500	748.715.233
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	202.569.078	3.423.626.668
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	-	-
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	5.084.241.844	2.014.365.556
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	336.464.564	190.930.980
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	4.321.635.015	8.805.007.483
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	3.001.994.821	29.971.332
Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN	29.614.997.978	9.584.099.124
Bao gồm:		
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	9.791.967.632	-
Công ty CP đầu tư và xây dựng điện Long Hội	8.617.308.351	-
Văn phòng Tổng cục Thống Kê	2.970.000.000	-
Công ty Truyền tải Điện 2	2.889.191.268	-
Đối tượng khác	-	9.584.099.124
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	22.104.196.302
Trả trước tại:		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	-	22.104.196.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	607.317.352	2.067.451.923
Thuế tiêu thụ đặc biệt	435.476.250	-
Thuế xuất nhập khẩu	568.012.501	37.717.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.653.248.347
Thuế thu nhập cá nhân	101.863.912	218.082.874
Thuế đất, tiền thuê đất	2.319.517.589	2.620.273.766
Thuế khác	2.875.661.081	2.603.815.527
Cộng	<u>6.907.848.685</u>	<u>10.200.590.057</u>

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>8.124.886.171</u>	<u>8.535.045.483</u>
Trích trước chi phí chưa có hóa đơn	892.000.000	1.595.557.363
Chi phí lãi vay	545.511.396	37.704.049
Chiết khấu thương mại	2.714.180.880	2.182.055.683
Trích trước chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	345.745.180	595.457.779
Chi phí trích trước khác	3.627.448.715	4.124.270.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
	135.673.390.853	49.888.806.270
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	500.000.000	
Kinh phí công đoàn	400.083.894	251.697.301
Bảo hiểm xã hội	222.535.761	362.397.081
Bảo hiểm y tế	22.333.005	44.925.240
Bảo hiểm thất nghiệp	6.243.266	20.395.599
Khoản dự tính phải trả về quyết toán vốn cổ phần	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23.324.928.322	23.131.445.757
Phải trả CBCNV - tiền ứng trước mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Khoản thanh toán chuyển nhượng mua cổ phần	68.028.039.930	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.866.826.675	24.775.545.292
- Công ty Cổ phần BĐS Bảo Long	15.000.000.000	15.000.000.000
- Khoản trợ cấp người lao động	-	4.423.850.000
- Khoản phải trả cho công trình Dự án điện tim	-	1.765.734.978
- Khoản phải trả cho công trình Dự án Pleikrong	1.508.127.600	-
- Các khoản phí sinh viên do trường thu	2.003.876.581	2.085.193.355
- Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	-	642.600.000
- Phải trả Công ty TNHH Thương Mại - Quảng cáo Xây dựng - Địa ốc Việt Hân	10.000.000.000	
- Cổ đông Công ty CP Viettronics Medda	-	20.000.000
- Các khoản phải trả khác	13.354.822.494	838.166.959
	8.498.215.142	43.512.629.179
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.377.461.142	8.777.258.297
Các khoản phải trả, phải nộp khác	120.754.000	34.735.370.882
- Tổng Cục Cảnh Sát - Bộ Công an C53	-	26.619.024.188
- Công ty Cổ phần Truyền thông Kết nối Điểm	-	3.588.549.367
- Tổng Cục Hậu Cần - Kỹ Thuật, Bộ Công an	-	3.166.225.544
- Các khoản phải trả khác	120.754.000	1.361.571.783

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
	54.016.484.098	65.043.029.485
Số dư các khoản vay ngắn hạn tại:		
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa		
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	16.423.496.010	19.299.086.141
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific	-	-
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình	4.800.000.000	20.350.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	4.790.499.020	6.710.118.105
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	6.572.000.000	6.930.886.160
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	21.279.631.583	60.000.000
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	-	10.541.600.000
Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN	150.857.485	1.151.339.079
Bao gồm:		
Ngân hàng TMCP An Bình	150.857.485	1.151.339.079

Ghi chú:

Các công ty con của Tổng Công ty không thuyết minh chi tiết số dư và các hợp đồng vay tại thời điểm 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND					
Số dư tại ngày 01/01/2015	438.000.000.000	(14.522.301.419)	-	50.567.019.547	26.619.705	156.048.700.591	630.120.038.424
Điều chỉnh do công ty con không hợp nhất	-	-	-	-	-	2.088.697.820	2.088.697.820
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.888.015.037	1.888.015.037
Phân phối quỹ	-	-	-	5.129.973.217	-	(13.418.786.231)	(8.288.813.014)
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(316.190.640)	(316.190.640)
Xác định cổ tức phải trả	-	-	-	-	-	(17.520.000.000)	(17.520.000.000)
Hoàn nhập chi phí phải trả theo biên bản kiểm tra thuế năm 2012	-	-	-	-	-	762.911.093	762.911.093
Thuế phải nộp theo biên bản kiểm tra thuế năm 2012	-	-	-	-	-	(342.673.327)	(342.673.327)
Điều chỉnh quyết toán cổ phần hóa	-	-	-	-	-	(26.411.309.086)	(26.411.309.086)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	(489.007.236)	(489.007.236)
Số dư tại ngày 01/01/2016	438.000.000.000	(14.522.301.419)	-	55.696.992.764	26.619.705	102.290.358.021	581.491.669.071
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	(15.621.692.947)	(15.621.692.947)
Phân phối quỹ (i)	-	-	-	4.380.000.000	-	(9.887.239.082)	(5.507.239.082)
Xác định cổ tức phải trả (i)	-	-	-	-	-	(3.366.816.327)	(3.366.816.327)
Điều chỉnh giảm do không hợp nhất Genpacific	-	-	-	(25.500.000)	-	2.520.625.733	2.495.125.733
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	(4.637.650.168)	(4.637.650.168)
Tăng/(giảm) khác	-	503.397.618	-	33.112.636	-	(4.586.208.894)	(4.049.698.640)
Số dư tại ngày 30/06/2016	438.000.000.000	(14.018.903.801)	-	60.084.605.400	26.619.705	66.711.376.335	550.803.697.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Trong năm, Tổng Công ty chia cổ tức của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 01 NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 21/06/2016.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013. Tại ngày 30/06/2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	30/06/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	385.308.600.000	87,97%	385.308.600.000	87,97%
Vốn góp của các đối tượng khác	52.691.400.000	12,03%	52.691.400.000	12,03%
Cộng	438.000.000.000	100%	438.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	438.000.000.000	438.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.800.000	43.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	23.459.361.663	26.910.267.311
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	1.478.476.450	1.548.960.039
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	7.176.179.420	10.181.278.361
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific	-	17.123.007.323
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình	96.243.058.446	95.647.073.074
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	24.185.744.854	25.010.173.169
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.844.969.884	2.948.663.344
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	196.318.589	400.093.698
Cộng	155.584.109.306	179.769.516.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Doanh thu	457.797.716.374	284.771.106.591
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	452.439.211.285	242.536.003.142
Doanh thu hoạt động xây dựng	1.865.713.591	42.124.774.350
Doanh thu cho thuê bất động sản	3.492.791.498	-
Doanh thu bán vật tư		110.329.099
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.756.244.899	2.818.499.941
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	388.165.636	1.902.739.182
- Giảm giá hàng bán	-	400.019.759
- Hàng bán bị trả lại	1.368.079.263	515.741.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	456.041.471.475	281.952.606.650

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	406.200.934.880	193.571.987.506
Giá vốn hoạt động xây dựng	2.576.230.843	41.055.442.761
Giá vốn kinh doanh bất động sản	714.584.888	-
Giá vốn bán vật tư	-	63.713.184
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.315.000)
Cộng	409.491.750.611	234.687.828.451

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.794.261.125	9.174.454.042
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.812.443.000	4.582.500.892
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	384.340.243	388.371.597
Doanh thu hoạt động tài chính khác	209.285.537	30.924.559
Cộng	8.200.329.905	14.176.251.090

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.640.247.693	776.206.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	461.683.022	259.469.677
Dự phòng đầu tư tài chính	510.000.000	654.210.135
Chi phí tài chính khác	43.335.016	178.389.003
Cộng	2.655.265.731	1.868.275.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	770.012.634	726.761.901
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	770.012.634	726.761.901

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(15.621.692.947)	(4.147.071.347)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.574.855.372)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(18.196.548.319)	(4.147.071.347)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	43.800.000	43.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(415)	(95)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Các khoản vay	54.016.484.098	65.043.029.485
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	193.454.648.982	154.542.902.180
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>706.387.806.945</u>	<u>761.261.185.390</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4).

Tài sản tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.454.648.982	154.542.902.180
Phải thu khách hàng và phải thu khác	421.850.862.700	294.538.373.257
Phải thu về cho vay	57.922.455.177	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	81.977.796.250	50.605.396.250
Đầu tư tài chính dài hạn	44.005.106.982	66.328.302.718
Tổng cộng	<u>799.210.870.091</u>	<u>567.014.974.405</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	54.016.484.098	65.043.029.485
Phải trả người bán và phải trả khác	451.332.533.534	265.297.917.309
Chi phí phải trả	8.124.886.171	8.535.045.483
Tổng cộng	<u>513.473.903.803</u>	<u>338.875.992.277</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (Thông tư 210), vì các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.454.648.982	-	193.454.648.982
Phải thu khách hàng và phải thu khác	421.775.823.996	75.038.704	421.850.862.700
Phải thu về cho vay	57.922.455.177	-	57.922.455.177
Đầu tư tài chính ngắn hạn	81.977.796.250	-	81.977.796.250
Đầu tư tài chính dài hạn	-	44.005.106.982	44.005.106.982
Tổng cộng	755.130.724.405	44.080.145.686	799.210.870.091
Tại 30/06/2016			
Các khoản vay	54.016.484.098	-	54.016.484.098
Phải trả người bán và phải trả khác	442.834.318.392	8.498.215.142	451.332.533.534
Chi phí phải trả	8.124.886.171	-	8.124.886.171
Tổng cộng	504.975.688.661	8.498.215.142	513.473.903.803
Chênh lệch thanh khoản thuần	250.155.035.744	35.581.930.544	285.736.966.288
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.542.902.180	-	154.542.902.180
Phải thu khách hàng và phải thu khác	288.774.782.335	5.763.590.922	294.538.373.257
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.605.396.250	-	50.605.396.250
Đầu tư tài chính dài hạn	-	66.328.302.718	66.328.302.718
Tổng cộng	494.923.080.765	72.091.893.640	567.014.974.405
Tại 01/01/2016			
Các khoản vay	65.043.029.485	-	65.043.029.485
Phải trả người bán và phải trả khác	221.785.288.130	43.512.629.179	265.297.917.309
Chi phí phải trả	8.535.045.483	-	8.535.045.483
Tổng cộng	295.363.363.098	43.512.629.179	338.875.992.277
Chênh lệch thanh khoản thuần	199.559.717.667	28.579.264.461	228.138.982.128

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét.



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2016

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu